TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 434/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 10 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2018 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Đường S, khu phố T, phường K, quận B, Tp. HCM.

Bị đơn: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường S, khu phố T, phường K, quận B, Tp. HCM.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/7/2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Đường S, khu phố T, phường K, quận B, Tp. HCM.

- Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường S, khu phố T, phường K, quận B, Tp. HCM.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Hoàng T và bà Trần Thị Trúc L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 68, Quyển số 01/2014 đăng ký ngày 30/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang).

2.2. Về quan hệ con chung:

Ông Phạm Hoàng T và bà Trần Thị Trúc L có 02 người con chung, họ tên là Phạm Trần Hoàng K (Nữ), sinh ngày 15/06/2014 và Phạm Hoàng Thiên K1 (Nữ), sinh ngày 28/09/2016

Cả hai thỏa thuận, giao trẻ Phạm Trần Hoàng K và Phạm Hoàng Thiên K1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 trẻ, cấp dưỡng từ tháng 06/2018, thực hiện cấp dưỡng vào ngày đầu tiên hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Phạm Hoàng T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Phạm Hoàng T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Phạm Hoàng T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Phạm Hoàng T và bà Trần Thị Trúc L không có tài sản chung, không có nợ chung.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hoàng T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng; và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2017/0025316 ngày 10/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp. HCM. Vậy ông Phạm Hoàng T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, HS (Hoa).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong